

Số: 78/2022/QĐST-HNGĐ

Liên Chiểu, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 347/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Đức S**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 543 T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông **Trần Hải P**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 38 H 17, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Đức S**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 543 T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông **Trần Hải P**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 38 H 17, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Đức S và ông Trần Hải P thuận tình ly hôn.

2.2 Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Đức S và ông Trần Hải P xác nhận có 03 con chung và tự thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung 02 con chung Trần Kim N - sinh ngày 13/7/2007 và Trần Kim N1 - sinh ngày 14/08/2011 cho bà Nguyễn Đức S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Giao con chung Trần Văn K - sinh ngày 12/05/2009 cho ông Trần Hải P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung của các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Đức S và ông Trần Hải P xác nhận không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Đức S và ông Trần Hải P xác nhận không nợ chung, không ai nợ chung bà Nguyễn Đức S và ông Trần Hải P.

2.5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Đức S tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Đức S theo Biên lai thu số Biên lai thu số 0000180 ngày 22/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Đức S số tiền tạm ứng án phí còn dư 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND quận Liên Chiểu;
 - Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
 - UBND P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 02/5/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương